



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

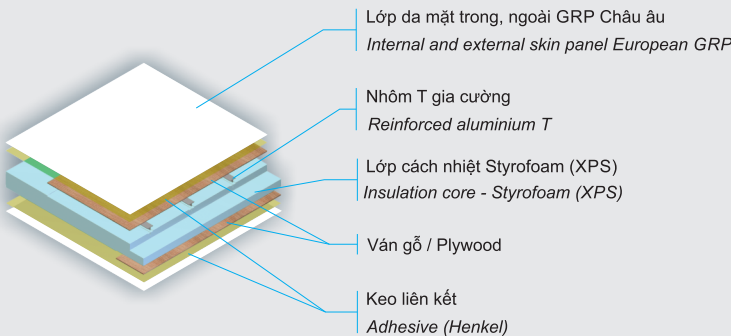
ISUZU FVM60TE5 /A
FVM60WE5 /A

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	DVT / UNIT	FVM60TE5 /A	FVM60TE5 /A	FVM60WE5 /A	FVM60WE5 /A
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		ISUZU FVM FVM60TE5 (A) -QA.BOF1S	ISUZU FVM FVM60TE5 (A) -QA.BO (OXY)	ISUZU FVM FVM60WE5 (A) -QA.BO	ISUZU FVM FVM60WE5 (A) -QA.BO (OXY)
Công thức bánh xe / Wheel formular		6 x 2	6 x 2	6 x 2	6 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	9890 x 2500 x 3950	9890 x 2500 x 3950	11530 x 2500 x 3950	11530 x 2500 x 3950
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	7700 x 2500 x 2650	7700 x 2500 x 2650	9350 x 2500 x 2650	9350 x 2500 x 2650
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	7450 x 2320 x 2410	7450 x 2320 x 2410	9100 x 2320 x 2410	9100 x 2320 x 2410
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	4965 + 1370	4965 + 1370	5825 + 1370	5825 + 1370
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	1250 / 2305	1250 / 2305	1250 / 3085	1250 / 3085
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	2485	2485	2485	2485
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	9505	9655	9805	9955
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	14300	14150	14000	13850
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	24000	24000	24000	24000
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) + First axle (quantity:2)		11.00R20	11.00R20	11.00R20	11.00R20
+ Trục 2 & 3 (Bánh kép) + 2 & 3 axles (quantity:4)		11.00R20	11.00R20	11.00R20	11.00R20
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V		Ắc quy / Batteries: 12V - 70Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 70Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 70Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 70Ah - 2 bình
Máy phát Alternator		24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit		-	-	-	-
Trang bị khác Other equipment		-	Máy Oxy (RT90-M + ZLE-65WA) Roots blower systems	-	Máy Oxy (RT90-M + ZLE-65WA) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor > 8T	Sàn sóng / corrugated > 8T
Panel sàn Floor panel	135	140
Panel vách trước Front panel	109	109
Panel vách hông Two side wall panels	79	79
Panel nóc Roof panel	103	103
Panel cửa sau Rear door panels	79	79

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* Fax: (0272) 3769 023

* Phòng kinh doanh:

Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444

Email: kd01@quyenauto.com

* Tư vấn kỹ thuật:

Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317

Email: technical@quyenauto.com

